



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

D/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

D/c PTN : Liên hệ 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07383/2024/PKQ/24.3166

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng
Địa điểm quan trắc
Vị trí lấy mẫu

:
: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG ĐỒNG
: Bệnh viện nhi trung ương - 18/879 La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
:
: - NT.230924-006- Mẫu nước thải trước xử lý tại hệ thống xử lý nước thải số 2 công suất 750 m³/ngày đêm, tọa độ: VD=21,025434, KD=105,808480 (NT11)
: - NT.230924-007- Mẫu nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải số 2 công suất 750 m³/ngày đêm, tọa độ: VD=21,025384, KD=105,808574 (NT12)
: - NT.230924-008- Mẫu nước thải trước xử lý tại hệ thống xử lý nước thải số 1 công suất 760 m³/ngày đêm, tọa độ: VD=21,023839, KD=105,807016 (NT13)
: - NT.230924-009- Mẫu nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải số 1 công suất 760 m³/ngày đêm, tọa độ: VD=21,023737, KD=105,807001 (NT14)
: - NT.230924-010- Mẫu nước thải tại điểm xả cuối, tọa độ: VD=21,023349, KD=105,806999 (NT15)
: Tên mẫu/Loại mẫu
: Số lượng mẫu: 05
: Ngày lấy mẫu
: Nước thải
: Ngày hoàn thành thử nghiệm: 10/10/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả					QCVN 28: 2010/BTNMT
				NT1	NT2	NT3	NT4	NT5	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,94	7,2	6,89	7,1	7,16	6,5 – 8,5
2	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	6,7	2,4	5,6	2,1	2,6	20
3	Salmonella ^(*)	Vi khuẩn/100 ml	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	Shigella ^(*)	Vi khuẩn/100 ml	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

1. (*) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả thí nghiệm có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phấn kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không gửi kết quả việc khách mua kết quả thử nghiệm.
Trang 1/2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả					QCVN 28: 2010/BTNMT
				NT1	NT2	NT3	NT4	NT5	Cột B
5	Vibrio cholerae ^(*)	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
6	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(*)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1
7	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(*)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	1,0
8	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	164,1	13,4	97,8	8,8	15,2	50
9	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	252,4	33,3	150,4	22,1	38,1	100
10	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	77,5	29,4	58,4	35,4	39,5	100
11	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	28	9,2	22,4	5,4	9,4	10
12	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,56	0,82	2,67	0,34	1,12	10
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2023	0,18	2,17	0,22	3,48	2,66	50
14	Sulfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,28	0,19	0,24	0,12	0,26	4
15	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	11.000	1.700	9.400	2.000	3.100	5.000

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

+ Chỉ tiêu Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121

+ Chỉ tiêu Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Dầu tư Công nghệ và Môi trường CEC - Vimcerts 230

Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế

Cột B: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

T.M. PHÒNG HIU NGHỆM


Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC


Hoàng Thị Kim Anh



1. (*) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được công nhận Vimcerts

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phương kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian hạn mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.